

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

LÊ THỊ THÙY DUNG

**KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Chuyên ngành: KẾ TOÁN

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYỄN**

Phản biện 1: PGS.TS HOÀNG TÙNG

Phản biện 2: GS.TS ĐẶNG THỊ LOAN

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 6 tháng 6 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Mỗi một doanh nghiệp đều được cấu thành bởi nhiều bộ phận khác nhau, mỗi bộ phận thực hiện các chức năng, nhiệm vụ riêng và để các bộ phận này hoạt động hiệu quả thì cần phải xây dựng một hệ thống quản lý hữu hiệu. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc củng cố và xây dựng hệ thống quản lý hữu hiệu là điều cần thiết và quan trọng hàng đầu giúp doanh nghiệp có hướng đi đúng đắn để ngày một phát triển đi lên.

Để thực hiện được điều này, cần sử dụng một trong những công cụ đắc lực nhất là kế toán quản trị. Kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ công cụ quản lý kinh tế, tài chính và có vai trò quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế, tài chính trong doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin để thực hiện mục tiêu quản trị doanh nghiệp nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Kế toán quản trị sử dụng hệ thống kế toán trách nhiệm để phân loại cấu trúc tổ chức thành các trung tâm trách nhiệm, trên cơ sở đó đánh giá kết quả của từng bộ phận dựa trên trách nhiệm được giao cho bộ phận đó. Kế toán trách nhiệm là một nội dung cơ bản của kế toán quản trị, ra đời nhằm mục tiêu đánh giá trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận trong tổ chức. Kế toán trách nhiệm có vai trò và vị trí quan trọng trong quản lý ở các doanh nghiệp, chủ yếu là các công ty với quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, cơ cấu tổ chức gắn với trách nhiệm của nhiều cá nhân, bộ phận.

Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh hoạt động với qui mô tương đối lớn với cơ cấu tổ chức phân quyền theo bộ phận. Hiện nay, Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh là một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất phân bón NPK tại thị trường Việt Nam nhưng trong những năm qua

mức tăng trọng không cao. Một trong những nguyên nhân khách quan là do công tác quản lý điều hành ở một số đơn vị trực thuộc có những biểu hiện trì trệ, chậm đổi mới trong tư duy. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ mở rộng, đòi hỏi công ty phải xây dựng hàng loạt kế hoạch từ khâu chuẩn bị nguyên vật liệu sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm và chăm sóc khách hàng. Thế nên hệ thống quản lý trách nhiệm cũng cần được đánh giá và hoàn thiện sao cho hiệu quả và khoa học hơn nhằm giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập quốc tế. Đến nay chưa có nghiên cứu nào về hệ thống kế toán trách nhiệm tại công ty. Xuất phát từ những yêu cầu trên, tác giả đã nghiên cứu thực hiện đề tài “Kế toán trách nhiệm tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh” cho luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa, tổng hợp những lý luận chung về tổ chức KTTN trong các doanh nghiệp.

- Tìm hiểu thực trạng và đánh giá công tác KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh; qua đó xây dựng những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống KTTN tại Công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về KTTN và vận dụng vào tổ chức KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài đi sâu nghiên cứu trong hệ thống KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh ở lĩnh vực sản xuất và thương mại đối với các mặt hàng phân bón.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp cụ thể như: thu thập thông tin, so sánh, đối chiếu,... Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp với lãnh đạo công ty, trưởng các bộ phận,...

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn được chia thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về KTTN trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

Chương 3: Hoàn thiện KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Kế toán trách nhiệm là một nội dung cơ bản của kế toán quản trị, quá trình hình thành và phát triển của kế toán trách nhiệm gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị. Kế toán trách nhiệm được đề cập đầu tiên ở Mỹ vào năm 1950 trong tác phẩm "Basic organizational planning to tie in with responsibility accounting" của Ailman, H.B.1950. Từ đó đến nay, vấn đề kế toán trách nhiệm được quan tâm nhiều với những quan điểm khác nhau bởi những tác giả khác nhau ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Kế toán trách nhiệm được nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học ở Việt Nam vào giữa những năm 90 của thế kỷ 20, tuy nhiên mức độ vận dụng kế toán trách nhiệm vào thực tiễn tổ chức và điều hành các doanh nghiệp còn hạn chế, chưa được hệ thống hóa.

Từ đầu những năm 2000 đến nay, đã có nhiều nghiên cứu về kế toán trách nhiệm. Tác giả đã tìm hiểu một số đề tài và bài báo nghiên cứu liên quan đến đề tài như sau:

Đề tài “*Hoàn thiện hệ thống kế toán trách nhiệm tại công ty vận tải quốc tế I.T.I*” của Dương Thị Cẩm Dung (2007).

Đề tài “*Tổ chức công tác kế toán trách nhiệm tại công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Việt - Hàn*” của Nguyễn Linh Giang (2011).

Đề tài “*Tổ chức công tác kế toán trách nhiệm tại công ty cổ phần Dược DANAPHA*” của Tôn Nữ Xuân Hương (2012).

Bài báo “*Kế toán trách nhiệm – vũ khí của công ty lớn*” của Nguyễn Xuân Trường (2008).

Bài báo “*Một số vấn đề về kế toán trách nhiệm ở các doanh nghiệp niêm yết*” của Phạm Văn Đăng (2011).

Trong các công trình nêu trên, các tác giả đã hệ thống các nội dung cơ bản của kế toán trách nhiệm và đề xuất phương hướng vận dụng kế toán trách nhiệm vào các doanh nghiệp cụ thể theo phạm vi nghiên cứu của các đề tài. Mặc dù vậy, các công trình nghiên cứu về kế toán trách nhiệm đã công bố đều chưa nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống kế toán trách nhiệm áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh phân bón, trong khi đó Việt Nam vẫn còn là một nước nông nghiệp, nhu cầu phân bón luôn ở mức cao, các doanh nghiệp trong ngành muốn hoạt động tốt thì nhất thiết phải xây dựng hệ thống quản lý trách nhiệm hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, để đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý trách nhiệm cũng cần phải xem xét các chỉ tiêu cho phù hợp với đặc điểm hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành phân bón.

Từ đó, trên cơ sở lý luận về kế toán trách nhiệm, tham khảo những đề tài, bài báo có liên quan, và tình hình thực tế tại một doanh nghiệp hoạt động trong ngành phân bón là Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh tác giả đã nghiên cứu thực hiện đề tài “*Kế toán trách nhiệm tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh*”.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM

1.1.1. Khái niệm về kế toán trách nhiệm

Có nhiều quan điểm về KTTN bởi những tác giả khác nhau ở nhiều quốc gia trên thế giới và trong nước:

Như vậy, *KTTN là phương pháp kế toán thu thập, ghi nhận, báo cáo và đo lường kết quả hoạt động của từng bộ phận để đánh giá thành quả của từng bộ phận nhằm kiểm soát quá trình hoạt động và chi phí phát sinh của các bộ phận trong tổ chức, phối hợp giữa các bộ phận với nhau trong việc thực hiện mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp.*

1.1.2. Bản chất của kế toán trách nhiệm

KTTN thực chất là thiết lập những quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bộ phận, thành viên và một hệ thống chỉ tiêu, công cụ, báo cáo nhằm đánh giá thành quả của từng bộ phận, thành viên, qua đó kiểm soát hoạt động và chi phí của các bộ phận trong tổ chức, phối hợp các bộ phận trong việc thực hiện mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp [7].

1.1.3. Mục đích của kế toán trách nhiệm

Mục tiêu quan trọng của hệ thống KTTN là cung cấp thông tin cho các nhà quản lý để điều hành bộ phận mình phụ trách một cách hiệu quả và hiệu lực.

1.2. PHÂN CẤP QUẢN LÝ – CƠ SỞ HÌNH THÀNH KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM

1.2.1. Khái niệm về phân cấp quản lý

Hệ thống KTTN gắn liền với sự phân cấp về quản lý. Nếu

không có sự phân cấp quản lý thì sẽ không tồn tại hệ thống KTTN hay hệ thống KTTN sẽ không có ý nghĩa gì [7].

Phân cấp quản lý là sự phân chia quyền lực từ cấp trên xuống cấp dưới, quyền ra quyết định và trách nhiệm được trải rộng trong toàn tổ chức. Các cấp quản lý khác nhau được quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm với phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của họ. Hoạt động của tổ chức gắn liền với quyền hạn, trách nhiệm của tất cả các bộ phận, thành viên [7].

1.2.2. Các cấp phân cấp quản lý

a. Quản trị cấp cao (Top Management)

b. Quản trị cấp trung gian (Middle Management)

c. Quản trị cấp tác nghiệp (Supervisor Management)

1.2.3. Chế độ thưởng – phạt trong mô hình phân cấp quản lý

Khen thưởng và đãi ngộ là động lực khích lệ cá nhân hoạt động. Nếu khen thưởng và đãi ngộ được thực hiện tốt sẽ khuyến khích cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ giúp đạt được mục tiêu của đơn vị. Trong mô hình phân cấp quản lý, quyền ra quyết định và trách nhiệm được trải rộng trong toàn tổ chức. Do đó, để sự phân cấp thực sự đem lại hiệu quả, các cấp quản lý có trách nhiệm trong việc góp phần thực hiện mục tiêu chung của tổ chức thì cần xác định chính sách đãi ngộ đúng đắn, thực hiện chính sách đó một cách hiệu quả...

1.2.4. Phân cấp quản lý và yêu cầu hệ thống báo cáo kế toán

Báo cáo kế toán là phương tiện quan trọng để cung cấp thông tin, xác định trách nhiệm cụ thể của các nhà quản trị đối với từng bộ phận mà mình quản lý. Hệ thống báo cáo kế toán phải được lập định kỳ từ cấp quản lý thấp nhất và xây dựng ngược lên cấp quản lý cao hơn về các chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu được gọi là các báo cáo

thực hiện trách nhiệm. Mức độ chi tiết của báo cáo giảm dần theo sự gia tăng của các cấp quản lý trong tổ chức.

1.3. TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM VÀ KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM

1.3.1. Khái niệm trung tâm trách nhiệm

Trung tâm trách nhiệm là một bộ phận trong doanh nghiệp được điều hành bởi một nhà quản lý và chịu trách nhiệm về một tập hợp các hoạt động của bộ phận đó. Mỗi nhà quản lý, bất kể cấp độ cao hay thấp, chịu trách nhiệm về một trung tâm trách nhiệm [6].

1.3.2. Các loại trung tâm trách nhiệm

a. Trung tâm chi phí

b. Trung tâm doanh thu

c. Trung tâm lợi nhuận

d. Trung tâm đầu tư

1.3.3. Chỉ tiêu đánh giá trách nhiệm của các trung tâm

a. Trung tâm chi phí

Trung tâm chi phí định mức:

- Chỉ tiêu sản lượng sản xuất. Chỉ tiêu này cho thấy trung tâm có hoàn thành nhiệm vụ được giao về sản lượng sản xuất trên cơ sở đảm bảo đúng thời hạn và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định hay không.

- Chỉ tiêu chi phí hoạt động. Chỉ tiêu này cho thấy chi phí thực tế phát sinh có vượt quá định mức tiêu chuẩn hay không.

Trung tâm chi phí linh hoạt:

- Chỉ tiêu kết quả công việc. Chỉ tiêu này cho thấy trung tâm có hoàn thành nhiệm vụ được giao hay không?

- Chỉ tiêu chi phí hoạt động. Chỉ tiêu này cho thấy chi phí thực tế phát sinh có vượt quá ngân sách đã dự toán hay không?

b. Trung tâm doanh thu

- Chỉ tiêu doanh số bán, sản lượng bán. Các chỉ tiêu này cho

thấy trung tâm có hoàn thành nhiệm vụ được giao hay không.

- Chỉ tiêu chi phí hoạt động trực tiếp (các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán hàng của trung tâm doanh thu như chi phí về điện, nước, lương nhân viên,...). Chỉ tiêu này cho thấy chi phí thực tế phát sinh có vượt quá ngân sách đã dự toán hay không.

c. Trung tâm lợi nhuận

Đánh giá theo hai nội dung: hiệu quả hoạt động quản lý và hiệu quả hoạt động kinh tế. Hiệu quả hoạt động quản lý được xét trên các giác độ lập kế hoạch, phối hợp các nguồn lực và kiểm soát các hoạt động hằng ngày của giám đốc trung tâm. Hoạt động kinh tế được đánh giá bởi nhóm chỉ tiêu là số dư đảm phí, lợi nhuận trực tiếp, lợi nhuận kiểm soát được, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận ròng.

d. Trung tâm đầu tư

- Chỉ tiêu tỷ lệ hoàn vốn đầu tư (ROI: Return on Investment)

$$\text{ROI} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn đầu tư bình quân}} \times 100\%$$

- Chỉ tiêu lợi nhuận để lại (RI- residual income)

$$\text{RI} = \begin{array}{c} \text{Lợi nhuận} \\ \text{trung tâm đầu tư} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Chi phí vốn} \\ \text{sử dụng} \end{array}$$

1.3.4. Báo cáo đánh giá thành quả của trung tâm trách nhiệm

Thành quả của mỗi trung tâm trách nhiệm được tổng hợp định kỳ trên các báo cáo. Các báo cáo sẽ phản ánh kết quả về các chỉ tiêu tài chính chủ yếu ở từng trung tâm trách nhiệm trong một khoảng thời gian nhất định theo kết quả thực tế, dự toán và chênh lệch.

1.3.5. Tổ chức dữ liệu cho thực hiện kế toán trách nhiệm

a. Tổ chức số liệu dự toán của các trung tâm trách nhiệm

Dự toán là cơ sở để triển khai hoạt động, giám sát hoạt động và đánh giá chất lượng quản lý tại doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định;... Ngoài ra, dự toán còn là cơ sở để xây dựng và đánh giá trách nhiệm quản lý của các nhà quản trị [7].

b. Tổ chức số liệu thực hiện của các trung tâm trách nhiệm

Sau khi dự toán được lập, hoạt động thực tế được tiến hành và cần được đo lường và đánh giá về mức độ đạt được. Do vậy trong quá trình thực hiện cần tổ chức thu thập và phân tích dữ liệu để xác định nguyên nhân dẫn đến những chênh lệch giữa thực tế và dự toán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua chương 1, luận văn đã giới thiệu tổng quát một số kiến thức cần thiết về KTTN làm cơ sở nghiên cứu các chương sau. Trong đó, mỗi doanh nghiệp có thể bao gồm bốn trung tâm trách nhiệm là trung tâm chi phí, trung tâm doanh thu, trung tâm lợi nhuận và trung tâm đầu tư. Mỗi trung tâm ứng với một cấp quản trị thích hợp phụ thuộc vào quyền kiểm soát của nhà quản trị đối với trung tâm đó. Và tùy theo từng trung tâm, KTTN sẽ có những công cụ để đánh giá thành quả khác nhau.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

2.1.1. Giới thiệu về Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh tiên thân là Xí nghiệp phân bón Hóa Sinh của Công ty Thanh Bình trực thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ quốc phòng. Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn) với trụ sở chính tại Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động SXKD của Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

- Sản xuất, mua bán phân bón NPK, phân hữu cơ, phân sinh học, phân vi lượng và các loại phân bón khác phục vụ sản xuất nông nghiệp. Xuất nhập khẩu các loại phân bón, nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, sản phẩm bao bì các loại. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

a. Mô hình tổ chức tổ chức bộ máy quản lý

Cơ cấu quản lý của công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (chính là Giám đốc Công ty), các Phó TGD (chính là các trưởng phòng ban chức năng),

đơn vị trực thuộc là công ty TNHH Nhà máy phân bón NPK Phú Yên, các Phòng ban chức năng và Nhà máy Củ Chi.

b. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận quản lý

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

a. Đặc điểm bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình phân tán. Tại công ty TNHH Nhà máy phân bón NPK Phú Yên tổ chức bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập và định kỳ hàng quý gửi các báo cáo tài chính về phòng tài chính kế toán công ty Hóa Sinh. Tại phòng tài chính kế toán công ty Hóa Sinh tổ chức hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh, định kỳ lập các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất.

b. Đặc điểm công tác kế toán quản trị

Công ty đã có tổ chức kế toán quản trị. Tuy nhiên, công tác này mới được thực hiện theo qui định, chưa thể hiện sự phân công khoa học rõ ràng, và chưa phát huy được vai trò hữu hiệu của thông tin kế toán quản trị trong công tác quản lý ở đơn vị.

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

2.2.1. Phân cấp quản lý tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

a. Đại hội đồng cổ đông

- Về đầu tư: quyết định các vấn đề về mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;...

- Về quản lý chi phí: quyết định các vấn đề về tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị,...

b. Hội đồng quản trị

- Về đầu tư: quyết định các vấn đề về giá chào bán cổ phiếu;...
- Về quản lý chi phí: quyết định các vấn đề về mức lương của các cán bộ quản lý; đề xuất mức cổ tức hàng năm;...
- Về lợi nhuận: quyết định các vấn đề về kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;...

c. Ban kiểm soát

- Về quản lý chi phí: quyết định các vấn đề về mức phí phải trả cho công ty kiểm toán, các khoản chi phí đi lại,...

d. Tổng giám đốc

- Về quản lý chi phí: quyết định các chi phí liên quan đến hoạt động SXKD của công ty nhỏ hơn 50% giá trị tài sản công ty.
- Về lợi nhuận: thực thi kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.

e. Các Phó TGD, Các Phòng ban chức năng, nhà máy tại công ty

- Phó tổng giám đốc TC-HC, Phòng tổ chức hành chính: quản lý các chi phí tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực,...
- Phó tổng giám đốc Kinh doanh, Phòng kinh doanh: quản lý các chi phí hội thảo, quảng cáo, tiếp thị...
- Phó tổng giám đốc Sản xuất, Nhà máy Củ chi: quản lý toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Phó tổng giám đốc Tài chính, Phòng tài chính kế toán: quản lý toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong công ty.
- Phòng cung ứng VT-XNK: quản lý các chi phí tiềm ẩn, khai thác nguồn hàng, chi phí xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa.

f. Công ty TNHH Nhà máy phân bón NPK Phú Yên

Tự chủ trong việc tổ chức hoạt động SXKD và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Quản lý toàn bộ chi phí phát sinh trong

quá trình hoạt động như các chi phí liên quan đến sản xuất sản phẩm, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí khấu hao nhà xưởng, máy móc thiết bị, các khoản thuế phải nộp theo quy định...

2.2.2. Chế độ thưởng – phạt trong mô hình phân cấp quản lý tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

a. Chế độ khen thưởng

Hàng tháng mỗi cá nhân trong công ty tự đánh giá xếp loại thi đua theo ba tiêu chí A, B, C theo mẫu quy định sau đó gửi kết quả về cho trưởng bộ phận. Trưởng bộ phận tổ chức bình xét và tổng hợp kết quả bình xét thi đua theo từng tháng. Đối với trưởng, phó các bộ phận cũng tiến hành tự đánh giá xếp loại rồi gửi kết quả lên cho người quản lý cấp cao hơn. Các tiêu chí xếp loại được quy định rõ ràng đối với từng vị trí công việc cụ thể. Các kết quả thi đua từng tháng là căn cứ để bình xét và khen thưởng vào cuối năm.

b. Chế độ phạt

Một số hình thức kỷ luật áp dụng như: khiển trách; kéo dài thời gian nâng lương không quá 6 tháng hoặc chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời gian tối đa 6 tháng hoặc cách chức. Tuy nhiên, trên thực tế chế độ phạt không được áp dụng ở Công ty.

2.2.3. Báo cáo kế toán trách nhiệm tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh

a. Khái quát về hệ thống báo cáo tại Công ty

Hiện tại, các kế hoạch sản xuất kinh doanh tại Công ty được giao cho phòng tài chính kế toán cùng với các phòng kinh doanh, phòng VT-XNK, nhà máy sản xuất thực hiện. Định kỳ từng tháng, từng quý, hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo công ty, các bộ phận gửi các báo cáo thực hiện theo qui định về Công ty.

b. Báo cáo trách nhiệm tại phòng kinh doanh

- Báo cáo về doanh thu

+ Báo cáo kế hoạch doanh thu

Hiện nay bộ phận thực hiện nhiệm vụ bán hàng là phòng kinh doanh của công ty và phòng kinh doanh công ty TNHH NM phân bón NPK Phú Yên.

+ Báo cáo thực hiện doanh thu

Định kỳ và cuối năm phòng kinh doanh sẽ tổng hợp doanh số tiêu thụ ở tất cả các khu vực đồng thời so sánh doanh số thực hiện và kế hoạch trong năm để báo cáo trong cuộc họp tổng kết cuối năm lên Ban giám đốc.

- Báo cáo về chi phí quảng bá, tiếp thị sản phẩm

Căn cứ vào tình hình thực tế từng thị trường phòng kinh doanh lập tờ trình đề xuất tổ chức các chương trình quảng cáo, hội thảo, hội nghị nhằm xúc tiến tiêu thụ và hỗ trợ đại lý bán hàng trình lên PGĐ kinh doanh và Tổng giám đốc công ty.

c. Báo cáo trách nhiệm tại phân xưởng sản xuất

- Hàng tháng căn cứ vào kế hoạch tiêu thụ của Phòng kinh doanh, Quản đốc phân xưởng tiến hành lập kế hoạch xuất nguyên liệu sản xuất, công thức chạy hàng trình lên Phó TGĐ sản xuất kiêm Giám đốc nhà máy Củ Chi phê duyệt. Trong quá trình sản xuất, Quản đốc phân xưởng giám sát toàn bộ quy trình và hàng ngày báo cáo tình hình lao động theo ca, tình hình nhập xuất theo ca sản xuất lên Phó TGĐ sản xuất kiêm Giám đốc nhà máy Củ Chi.

d. Báo cáo trách nhiệm tại phòng VT-XNK

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất tiêu thụ và tình hình tồn kho phân nguyên liệu phòng VT-XNK tiến hành lập kế hoạch yêu cầu nhập nguyên liệu gửi lên Tổng giám đốc.

e. Báo cáo trách nhiệm tại phòng tài chính kế toán

Phòng tài chính kế toán tại Công ty căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD tại Công ty và báo cáo tài chính công ty Phú Yên gửi về

tiến hành lập các báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố của Công ty mẹ và toàn Công ty, báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, giữa niên độ và cả năm

f. Báo cáo trách nhiệm tại công ty TNHH NM phân bón NPK Phú Yên

Đầu năm, Giám đốc công ty Phú Yên căn cứ kế hoạch từng bộ phận lập kế hoạch tổng hợp báo cáo lên TGD công ty kiêm chủ tịch Hội đồng quản trị. Định kì lập báo cáo kế toán gửi về phòng kế toán Công ty. Đồng thời Giám đốc công ty Phú Yên sẽ tổng hợp báo cáo lên Ban giám đốc công ty về kết quả hoạt động vào cuối mỗi quý.

g. Báo cáo của Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị

- Báo cáo của Ban giám đốc:
- Báo cáo của Ban kiểm soát:
- Báo cáo của Hội đồng quản trị:

2.2.4. Đánh giá thực trạng kế toán trách nhiệm tại Công ty cổ phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh

a. Những ưu điểm

- Cơ cấu quản lý tương đối chặt chẽ, mức độ phân quyền hợp lý. Tại công ty đã có sự phân cấp quản lý tài chính, quy chế phân công phân nhiệm tương đối hợp lý, có người đứng đầu chịu trách nhiệm chung cho kết quả hoạt động của bộ phận, đảm bảo đem lại hiệu quả hoạt động nhất định.

- Đã thiết lập kế hoạch sản xuất kinh doanh do các phòng ban phối hợp thực hiện đều đặn vào đầu năm. Các kế hoạch đề ra những chỉ tiêu doanh thu, chi phí cho năm tới, nhằm định hướng và là cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty. Đây chính là cơ sở ban đầu của đánh giá trách nhiệm.

- Đã xây dựng và hình thành một số báo cáo nội bộ và các báo cáo này đã cung cấp thông tin chi tiết về tình hình sản xuất kinh doanh

tại Công ty và công ty con Phú Yên như báo cáo doanh thu, báo cáo về chi phí, báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Những mặt hạn chế

Công tác KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh đã được triển khai thể hiện thông qua sự phân cấp quản lý và các báo cáo nội bộ. Tuy nhiên công tác này chưa được khai thác và ứng dụng một cách có hiệu quả, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của nhà quản trị các cấp trong việc xem xét, đánh giá trách nhiệm và hiệu quả công việc của từng bộ phận. Hệ thống KTTN tại công ty chưa được rõ ràng, cụ thể và bộc lộ những hạn chế như sau:

- Phân cấp quản lý tài chính tại Công ty chưa gắn với sự hình thành nên các trung tâm trách nhiệm. Do đó, doanh thu, chi phí, lợi nhuận chưa gắn trách nhiệm của từng bộ phận, khó xác định nguyên nhân và qui trách nhiệm khi không hoàn thành kế hoạch hay khi có các vấn đề phát sinh. Vì thế, các đánh giá, kết luận của lãnh đạo Công ty mang tính chất chung chung, chưa nhằm vào khắc phục những nhược điểm để tạo động lực phát triển trong Công ty.

- Công tác kế toán tập trung nhiều vào kế toán tài chính mà chưa thật sự chú trọng đến kế toán quản trị. Công tác lập kế hoạch và tổ chức lập báo cáo thực hiện chỉ mang tính chất đại khái, theo qui định chứ chưa đi vào cụ thể, chi tiết. Hơn nữa, các chỉ tiêu đề ra chỉ dựa vào thông tin lịch sử và ước đoán theo ý kiến chủ quan của lãnh đạo chứ chưa căn cứ vào phân tích tình hình biến động thị trường. Do vậy, kế hoạch chưa đóng góp nhiều trong công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của các cá nhân, bộ phận và toàn Công ty. Do đó, cần xây dựng một hệ thống dự toán phải hướng đến trách nhiệm của từng bộ phận trong công ty để làm cơ sở đánh giá thực hiện kế hoạch.

- Chưa xây dựng được hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả từng trung tâm trách nhiệm. Hệ thống chỉ tiêu này sẽ giúp đánh giá các

trung tâm một cách chính xác. Căn cứ vào kết quả trung tâm đó hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện mục tiêu chung như thế nào.

- Hệ thống báo cáo nội bộ chưa được tổ chức đầy đủ, chưa cung cấp được thông tin cụ thể, chi tiết mức đóng góp của từng bộ phận vào mục tiêu chung của toàn Công ty. Hệ thống báo cáo tại công ty chỉ đơn thuần là báo cáo kết quả. Do đó, chúng chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà quản lý các bộ phận trong việc điều hành, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đánh giá, xác định trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các trung tâm.

- Công tác phân tích doanh thu, chi phí chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức. Công ty mới chỉ dừng lại ở việc so sánh doanh thu, chi phí để đánh giá mức độ biến động của chúng với kế hoạch và so với cùng kỳ năm trước, chưa chú trọng đến việc đánh giá thành quả của các đơn vị, bộ phận trong việc kiểm soát doanh thu, chi phí và lợi nhuận.

- Chế độ khen thưởng, đãi ngộ tại công ty chỉ mang tính hình thức, chưa gắn liền với trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận quản lý mà trong đó kế toán trách nhiệm là cơ sở để đánh giá và khen thưởng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua chương 2, luận văn đã giới thiệu tổng quát thực trạng tổ chức kế toán quản trị nói chung và KTTN nói riêng tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh. Qua đó, luận văn cũng đánh giá được những điểm đã đạt được cũng như những hạn chế trong hệ thống kế toán trách nhiệm tại công ty. Để khắc phục những hạn chế đó, tác giả sẽ tiếp tục trình bày những phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTTN được đề cập trong chương 3.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Dựa vào đặc điểm và tình hình phân cấp quản lý tài chính tại Công ty hiện nay, các giải pháp tổ chức hoàn thiện KTTN bao gồm:

- Xây dựng các trung tâm trách nhiệm .
- Hoàn thiện công tác lập dự toán.
- Hoàn thiện hệ thống dữ liệu quản lý ở các trung tâm trách nhiệm.
- Hoàn thiện việc đánh giá thành quả thông qua các chỉ tiêu và báo cáo của các trung tâm trách nhiệm.

3.1. XÂY DỰNG TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

3.1.1. Xây dựng các trung tâm trách nhiệm và bộ máy nhân sự

- Cấp thứ nhất: Là trung tâm đầu tư. Đó là toàn Công ty chịu trách nhiệm mọi mặt về hoạt động SXKD của Công ty kể cả doanh thu, chi phí, lợi nhuận, vốn đầu tư. TGD (Giám đốc Công ty) kiêm chủ tịch Hội đồng quản trị là nhà quản trị cấp cao nhất và chịu trách nhiệm về trung tâm này.

- Cấp thứ hai: Là trung tâm lợi nhuận. Đó là Văn phòng Công ty, Công ty TNHH Nhà máy phân bón NPK Phú Yên với nhiệm vụ tự tổ chức hoạt động SXKD, quản lý cả doanh thu và chi phí. Chịu trách nhiệm về hoạt động là các TGD (Giám đốc Công ty), Giám đốc công ty TNHH Nhà máy phân bón NPK Phú Yên.

- Cấp thứ ba: Là trung tâm doanh thu. Đó là các nhân viên quản lý từng khu vực cụ thể, phòng kinh doanh tại Công ty với mục tiêu làm thế nào để có thể nâng cao doanh số bán hàng, mở rộng thị

trường, duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng cũ, phát triển khách hàng mới. Chịu trách nhiệm trung tâm này là Phó TGD kinh doanh (Trưởng phòng kinh doanh).

- Cấp thứ tư: Là trung tâm chi phí, được phân chia như sau:

+ Trung tâm chi phí linh hoạt là khối văn phòng bao gồm các phòng ban chức năng như Phòng cung ứng VT-XNK, Phòng tài chính kế toán, Phòng TC-HC, Ban kiểm soát. Chịu trách nhiệm hoạt động các trung tâm này là Phó TGD tài chính (Trưởng phòng tài chính kế toán), Phó TGD tổ chức – hành chính (Trưởng phòng TC-HC), Trưởng ban kiểm soát.

+ Trung tâm chi phí định mức là Nhà máy Cù chi gồm hai phân xưởng trộn và tạo hạt, sử dụng trực tiếp các nguồn lực như nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí khác để sản xuất phân bón, chịu trách nhiệm hoạt động của trung tâm này hai Quản đốc phân xưởng trộn và phân xưởng tạo hạt, chịu trách nhiệm chung là Phó TGD sản xuất (Giám đốc nhà máy Cù Chi).

3.1.2. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của các trung tâm

a. Trung tâm chi phí

Đối với trung tâm chi phí định mức, mục tiêu là tăng cường tính tự chịu trách nhiệm về chi phí, kiểm soát toàn bộ những chi phí phát sinh, tối đa hoá sản lượng sản phẩm sản xuất.

Đối với các trung tâm chi phí linh hoạt là các phòng ban chức năng, cũng cần tăng cường kiểm soát những chi phí phát sinh, theo dõi tình hình sử dụng lao động, sử dụng các nguồn lực vật chất khác tại trung tâm.

b. Trung tâm doanh thu

Mục tiêu là bảo đảm hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu doanh thu bán hàng so với kế hoạch; kiểm soát được chi phí phát sinh tại bộ phận.

c. Trung tâm lợi nhuận

Mục tiêu là đảm bảo tỷ lệ tăng lợi nhuận trên doanh thu, đảm bảo tốc độ tăng doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng của vốn nhằm mục đích nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng lợi nhuận. Phải tiến hành lập các báo cáo và phân tích tình hình doanh thu và chi phí và mức độ hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đặt ra.

d. Trung tâm đầu tư

Mục tiêu là phải đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, đạt được mục tiêu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Người quản trị trung tâm phải xây dựng được các dự án đầu tư, tăng cường quản lý sử dụng vốn và khả năng huy động các nguồn tài trợ. Thực hiện các biện pháp thúc đẩy hiệu quả các hoạt động đầu tư trong toàn công ty.

3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP DỰ TOÁN THEO CÁC TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM

3.2.1. Mô hình dự toán tổng thể tại Công ty

Bước 1: Cần tăng cường tính tự chủ trong việc lập dự toán ở các đơn vị, phải có sự phân công rõ ràng hơn trong công tác lập dự toán tại Công ty.

Bước 2: Lập dự toán tổng hợp toàn Công ty:

Bước 3: Thống nhất ngân sách

3.2.2. Tổ chức công tác lập dự toán tại Công ty

a. Lập dự toán trung tâm chi phí

- Trung tâm chi phí định mức: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất theo tháng, Nhà máy tiến hành lập dự toán nguyên vật liệu, dự toán nhân công. Đối với chi phí sản xuất chung nên phân tích thành biên phí và định phí.

- Trung tâm chi phí linh hoạt: Dựa vào khả năng kiểm soát các loại chi phí của các phòng ban, ta phân loại chi phí thành chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được.

b. Lập dự toán trung tâm doanh thu

Dự toán doanh thu cần được giao cho các nhân viên phụ trách từng khu vực cụ thể lập căn cứ vào các số liệu năm trước, đặc điểm tiêu thụ phân bón ở từng thị trường, đặc điểm từng khách hàng đại lý, đặc điểm của các đối thủ cạnh tranh ở từng khu vực thị trường.

c. Lập dự toán trung tâm lợi nhuận

Văn phòng Công ty, Công ty TNHH Nhà máy phân bón NPK Phú Yên cần lập dự toán lợi nhuận. Dự toán lợi nhuận nên được lập theo phương pháp trực tiếp để thuận lợi cho đánh giá, phân tích doanh thu, chi phí.

d. Lập dự toán trung tâm đầu tư

Để có cơ sở đánh giá hiệu quả đầu tư, Công ty cần thiết phải lập báo cáo dự toán về hiệu quả đầu tư. Chịu trách nhiệm về báo cáo này là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGĐ. Dự toán cần đưa ra các chỉ tiêu về hiệu quả đầu tư ở công ty như tỷ lệ hoàn vốn đầu tư, chi phí sử dụng vốn, lợi nhuận còn lại.

3.3. HOÀN THIỆN HỆ THỐNG DỮ LIỆU QUẢN LÝ Ở CÁC TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM

3.3.1. Xây dựng bộ mã chi phí và doanh thu

Do đòi hỏi của công tác KTTN cần có sự theo dõi, tổng hợp doanh thu, chi phí theo từng đối tượng, do đó cần tiến hành xây dựng các bộ mã chi phí và doanh thu để thuận tiện cho việc phân loại các chi phí, doanh thu phát sinh phục vụ cho việc lập dự toán, kiểm soát và phân tích hiệu quả hoạt động của các trung tâm trách nhiệm. Để xây dựng các bộ mã chi phí và doanh thu ta cần tiến hành xây dựng mã số các trung tâm trách nhiệm.

Kế toán có thể xây dựng mã của các tài khoản chi phí trong điều kiện gắn kết với trung tâm chi phí và cách phân loại chi phí:

Tài khoản	–	Mã số	–	Mã số
chi tiết chi		trung tâm chi		phân loại chi
phí		phí		phí

Tương tự như bộ mã chi phí, bộ mã doanh thu kết hợp tài khoản doanh thu và mã số của trung tâm doanh thu.

3.3.2. Tổ chức dữ liệu thực hiện theo yêu cầu quản lý

Trên cơ sở bảng mã được xây dựng, ta xây dựng bảng nhập số liệu về các loại doanh thu, chi phí làm cơ sở cho việc tập hợp các khoản mục phát sinh. Căn cứ chứng từ, hoá đơn chi phí phát sinh, kế toán tiến hành phản ánh đồng thời theo dõi chi tiết loại doanh thu, chi phí theo số bảng mã để cung cấp thông tin cho quản lý.

3.4. HOÀN THIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ THÀNH QUẢ THÔNG QUA CÁC CHỈ TIÊU VÀ BÁO CÁO CỦA CÁC TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM

3.4.1. Trung tâm chi phí

- Trung tâm chi phí định mức: sử dụng chỉ tiêu sản lượng sản xuất và chỉ tiêu chi phí hoạt động.

Ngoài tính toán độ lệch, cần thực hiện việc phân tích độ lệch nhằm tìm ra mức độ ảnh hưởng do lượng và do giá, từ đó tìm ra nguyên nhân gây biến động chi phí.

- Đối với trung tâm chi phí là các phòng ban: tiến hành đối chiếu giữa chi phí thực tế phát sinh và dự toán ngân sách được duyệt qua các kỳ kinh doanh để thấy được sự tiết kiệm hay gia tăng chi phí của trung tâm này qua đó đánh giá khả năng kiểm soát chi phí ở từng trung tâm.

3.4.2. Trung tâm doanh thu

KTTN sẽ xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện dự toán tiêu thụ cho từng khu vực. Trong đó thể hiện doanh thu thực tế so với dự toán và phân tích chênh lệch giữa chúng do các nhân tố sản lượng

bán, giá bán cho từng loại sản phẩm, qua đó kết luận cụ thể về hiệu quả của trung tâm cũng như trách nhiệm của nhà quản trị trung tâm.

3.4.3. Trung tâm lợi nhuận

Báo cáo trách nhiệm trung tâm lợi nhuận được xây dựng theo hình thức số dư đảm phí sẽ rất hữu ích để đánh giá trách nhiệm quản lý và đóng góp thành quả của từng trung tâm lợi nhuận. Để đánh giá trách nhiệm quản lý và thành quả hoạt động cần tiến hành so sánh giữa lợi nhuận đạt được với dự toán, đồng thời kết hợp với kết quả phân tích của các trung tâm doanh thu, chi phí từ đó thấy được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố doanh thu, chi phí đến lợi nhuận.

3.4.4. Trung tâm đầu tư

Để đánh giá trách nhiệm quản lý và thành quả của trung tâm đầu tư, ta dựa trên tỷ lệ hoàn vốn đầu tư ROI, lợi nhuận còn lại RI, ngoài ra ta so sánh các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả đầu tư giữa thực tế so với dự toán cả về giá trị và tỷ lệ để đánh giá việc tăng giảm thông qua các độ lệch.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh tác giả nhận thấy bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn những tồn tại mà Ban lãnh đạo Công ty cần phải quan tâm. Kết hợp giữa thực tế và lý luận trong chương 3 của luận văn, tác giả có đưa ra một số quan điểm hoàn thiện hệ thống KTTN như xây dựng hệ thống các trung tâm trách nhiệm, hoàn thiện công tác lập dự toán, hoàn thiện hệ thống dữ liệu quản lý ở các trung tâm trách nhiệm, hoàn thiện việc đánh giá thành quả thông qua các chỉ tiêu và báo cáo của các trung tâm trách nhiệm.

KẾT LUẬN

KTTN là một bộ phận của kế toán quản trị và còn là một khái niệm tương đối mới với một số doanh nghiệp ở nước ta hiện nay. Trong khi đó KTTN là một trong những cách thức tiên tiến trên thế giới để quản lý nội bộ doanh nghiệp. Do vậy, các doanh nghiệp cần phải quan tâm đến tổ chức mô hình KTTN để có một hệ thống cung cấp thông tin tin cậy và sự kiểm soát chặt chẽ. Để góp phần hoàn thiện công tác tổ chức KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh, luận văn đã giải quyết được những vấn đề sau:

Hệ thống được những lý luận cơ bản về KTTN. Nội dung này là cơ sở đánh giá thực trạng KTTN và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán trách nhiệm tại Công ty.

Đánh giá thực trạng KTTN tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón Hóa Sinh, đánh giá những mặt đạt được và những hạn chế trong công tác tổ chức KTTN tại Công ty.

Đưa ra các giải pháp nhằm xây dựng hệ thống các trung tâm trách nhiệm, hoàn thiện công tác lập dự toán, hoàn thiện hệ thống dữ liệu quản lý ở các trung tâm trách nhiệm, hoàn thiện việc đánh giá thành quả thông qua các chỉ tiêu và báo cáo của các trung tâm trách nhiệm và đưa ra một số ý kiến đề xuất với Ban lãnh đạo để thực hiện các giải pháp. Qua đó, giúp Công ty có thể quản lý hiệu quả và đánh giá chính xác được kết quả hoạt động từng trung tâm.

Nhìn chung, luận văn đã tập trung giải quyết được vấn đề tồn tại trong công tác KTTN tại Công ty, hỗ trợ thêm một công cụ đắc lực cho công tác quản lý tại doanh nghiệp.